DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2013

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA NAM (BVS)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Đối tượng ưu tiên	Khu vực	Mã hồ sơ			Ngành	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
1	BVS A 00043	Nguyễn Ngọc	Châu	14/11/91	Nam	02	13		3	99	99	255	D480201	6.25	3.75	5.50	15.50	15.50	
2	BVS A 00104	Tăng Văn Toàn	Định	12/12/90	Nam	56	05	06	1	99	99	228	D520207	5.75	4.75	6.25	16.75	17.00	
3	BVS A 00089	Phạm Văn	Dương	27/05/92	Nam	41	01		2	99	99	157	D520207	3.25	3.75	5.75	12.75	13.00	
4	BVS A 00074	Bùi Đình	Duy	25/06/90	Nam	35	09		1	99	99	149	D520207	4.00	5.50	4.75	14.25	14.50	
5	BVS A 00077	Nguyễn Khải	Duy	02/01/91	Nam	35	07		2	99	99	169	D520207	5.50	4.75	3.00	13.25	13.50	
6	BVS A 00113	Huỳnh Linh	Giang	11/04/91	Nam	39	08		2NT	99	99	161	D480201	3.25	4.50	4.50	12.25	12.50	
7	BVS A 00247	Nguyễn Duy	Long	23/03/92	Nam	02	11		3	99	99	284	D480201	5.75	4.50	5.50	15.75	16.00	
8	BVS A 00663	Nguyễn Văn	Mạnh	22/09/91	Nam	29	17		2NT	29	86	466	D520207	5.00	5.00	4.75	14.75	15.00	
9	BVS A 00368	Nguyễn Hồng	Quang	11/11/90	Nam	48	01		2	99	99	150	D340101	4.25	4.75	4.50	13.50	13.50	
10	BVS A 00369	Nguyễn Xuân	Quang	30/03/91	Nam	42	04	06	1	99	99	257	D340101	2.00	5.25	4.75	12.00	12.00	
11	BVS A 00373	Nguyễn Văn	Quất	28/04/85	Nam	02	14		3	98	1	7	D520207	3.50	5.25	5.25	14.00	14.00	
12	BVS A 00405	Lê	Thành	15/11/90	Nam	32	07		2	99	99	184	D340101	4.25	5.50	5.75	15.50	15.50	
13	BVS A 00429	Đặng Văn	Thiên	26/03/91	Nam	34	03		2NT	99	99	247	D520207	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	
14	BVS A 00470	Phạm Thành	Tín	17/10/92	Nam	02	13		3	99	99	138	D520207	3.50	4.50	5.50	13.50	13.50	
15	BVS A 00501	Nguyễn Hoàng	Trung	11/06/91	Nam	35	11		2NT	99	99	133	D520207	4.50	5.50	5.00	15.00	15.00	
16	BVS A 00517	Bùi Thiện	Tuấn	16/11/91	Nam	37	01		2	98	20	1	D340101	6.75	4.50	5.50	16.75	17.00	
17	BVS A1 00693	Nguyễn Mai Hồng	Anh	21/05/91	Nữ	53	03		2NT	99	99	146	D340101	4.00	5.50	3.75	13.25	13.50	
18	BVS A1 00697	Nguyễn Tuấn	Anh	26/06/90	Nam	02	09		2	99	99	233	D520207	4.50	4.75	4.00	13.25	13.50	
19	BVS A1 00719	Võ Thị Kim	Châu	28/03/90	Nữ	49	09		2NT	99	99	132	D480201	5.50	4.50	3.00	13.00	13.00	
20	BVS A1 00765	Nguyễn Đức	Đại	26/05/90	Nam	40	01		1	99	99	234	D340101	5.25	6.00	4.75	16.00	16.00	
21	BVS A1 00764	Nguyễn Anh	Đào	08/08/91	Nữ	02	08		3	99	99	181	D340101	3.50	5.75	7.50	16.75	17.00	
22	BVS A1 00770	Hoàng Ngô	Định	15/04/91	Nam	48	01		2	99	99	162	D480201	6.25	4.50	4.00	14.75	15.00	
23	BVS A1 00798	Lê Minh	Hải	26/03/91	Nam	31	05	06	1	99	99	242	D520207	3.25	5.00	5.25	13.50	13.50	
24	BVS A1 00801	Đỗ Hữu	Hạnh	04/05/91	Nam	02	15		3	98	15	2	D480201	4.75	4.75	7.75	17.25	17.50	
25	BVS A1 00805	Huỳnh Siêng	Hạo	14/01/92	Nam	02	05	01	3	99	99	137	D340101	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	
26	BVS A1 00830	Lâm Mỹ	Hiền	08/01/91	Nữ	53	04		2	99	99	130	D340101	4.50	5.25	5.25	15.00	15.00	
27	BVS A1 00829	Lê Xuân	Hiền	10/02/91	Nữ	02	04		3	99	99	131	D480201	4.00	4.50	6.00	14.50	14.50	
28	BVS A1 00971	Trương Thị ánh	Nguyệt	05/12/92	Nữ	31	04		1	99	99	295	D480201	4.25	3.50	5.75	13.50	13.50	
29	BVS A1 00996	Nguyễn Thị	Nhung	18/03/91	Nữ	1B	29		2NT	99	99	183	D340101	2.75	5.00	4.75	12.50	12.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Đối tượng ưu tiên	Khu vực	Mã hồ sơ			Ngành	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
30	BVS A1 01074	Lê Thị Ngọc	Sương	04/12/91	Nữ	02	15		3	98	1	5	D340301	4.50	4.75	4.25	13.50	13.50	
31	BVS A1 01135	Trần Thị Minh	Thơ	08/05/91	Nữ	56	07		2NT	99	99	198	D340101	4.25	4.50	6.50	15.25	15.50	
32	BVS A1 01146	Trần Thị	Thủy	19/09/91	Nữ	38	14		1	99	99	277	D480201	4.75	4.25	3.25	12.25	12.50	
33	BVS A1 01201	Trần Quốc	Trí	17/04/89	Nam	40	01		1	99	99	187	D520207	4.50	4.00	3.50	12.00	12.00	
34	BVS A1 01238	Lê Nguyễn Thanh	Vân	24/05/91	Nữ	02	19		3	98	1	3	D340101	5.00	6.00	4.25	15.25	15.50	
35	BVS A1 01244	Phùng Thúy Quỳnh	Vân	12/04/92	Nữ	42	10		1	99	99	193	D340101	4.75	6.50	6.00	17.25	17.50	
36	BVS A1 01245	Trần Thị	Vi	20/12/91	Nữ	48	07		1	99	99	160	D340301	4.75	4.50	5.00	14.25	14.50	
37	BVS A1 01271	Cao Nữ Thùy	Vy	16/09/91	Nữ	37	11		2NT	99	99	167	D340101	5.25	5.50	3.25	14.00	14.00	
38	BVS A1 01278	Nguyễn Thị Kim	Yến	03/10/91	Nữ	46	04		1	99	99	164	D340101	3.50	5.50	4.50	13.50	13.50	
39	SPK D1 00095	Dương Thị Kiều	Diễm	21/08/91	Nữ	49	07		2NT	99	CD	3057	D340101	4.75	3.50	5.00	13.25	13.50	
40	SPK D1 00105	Phạm Thị Thùy	Dung	05/04/92	Nữ	60	01		1	99	CD	3161	D340101	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	
41	SPK D1 00244	Hồ Sỹ	Hòa	13/01/91	Nam	02	18		3	99	CD	3051	D340101	5.00	4.00	4.75	13.75	14.00	
42	HHK D1 05374	Nguyễn Duy	Phương	07/01/92	Nam	50	05		1	99	99	460	D340101	7.25	6.00	5.25	18.50	18.50	
43	MBS D1 16038	Mai Ngọc Hiếu	Thảo	06/07/91	Nữ	02	04		3	99	99	453	D340101	5.00	6.25	3.75	15.00	15.00	
44	QSX D1 11782	Trần Minh	Thuận	25/08/92	Nam	51	09		3	99	99	178	D340101	1.25	7.25	5.00	13.50	13.50	
45	DLH D1 00658	Nguyễn Hồng	Thy	03/04/92	Nữ	48	01		2	99	99	740	D340101	4.00	5.50	5.25	14.75	15.00	
46	VHS D1 02087	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	09/04/91	Nữ	42	01		1	98	21	1	D340101	4.75	6.00	4.75	15.50	15.50	
47	DTH D1 08153	Trịnh Thị	Vân	20/11/91	Nữ	42	03		1	99	99	440	D340101	5.25	5.00	4.50	14.75	15.00	

Danh sách gồm: 47 thí sinh